

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đại Đồng, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 8/5/2023 của HĐND huyện Cẩm Thủy về việc quyết định chủ trương đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đại Đồng, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 8604/STNMT-BVMT ngày 24/09/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đại Đồng, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1673/Tr-STNMT ngày 25/10/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đại Đồng, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đại Đồng, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy thực hiện tại thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND TT Phong Sơn (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đại Đồng, thị trấn**  
**Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Ban quản lý dự án**  
**đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của*  
*Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin chung dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đại Đồng, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy.
- + Đại diện: (Ông) Nguyễn Trọng Đông - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

**1.2.1. Phạm vi dự án**

Khu đất thực hiện dự án đầu tư có diện tích 18.540,5m<sup>2</sup> tại Tổ dân phố Đại Đồng, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

**1.2.2. Quy mô, công suất dự án**

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đại Đồng, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa hoàn chỉnh. Quy mô sử dụng đất của dự án là 18.540,5m<sup>2</sup>, trong đó:

- Quy mô sử dụng đất:
  - + Đất ở chia lô: 79 lô, với tổng diện tích 8393 m<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 45,27%.
  - + Đất giao thông 8181,2 m<sup>2</sup>, chiếm 44,13%.
  - + Đất trạm xử lý nước thải và tập kết rác thải 66,5 m<sup>2</sup>, chiếm 0,36%.
  - + Đất cây xanh 627,3m<sup>2</sup>, chiếm 3,38%.
  - + Đất bãi đỗ xe 808,0m<sup>2</sup>, chiếm 4,36%.
  - + Đất văn hóa 464,5m<sup>2</sup>, chiếm 2,51%.
- Quy mô dân số: Khoảng 316 người.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Giải phóng mặt bằng: Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là 18.540,5m<sup>2</sup>.

- San nền dốc theo hướng thoát nước mặt với độ dốc san nền nhỏ nhất là i = 0,04%. Hướng dốc chung của toàn bộ khu vực theo hướng cao ở tây bắc thấp dần về phía tây đông. Cao độ tự nhiên thấp nhất là + 20,52m; cao độ tự nhiên cao nhất là + 23,21m;

- Xây dựng đường giao thông gồm 03 tuyến đường có tổng chiều dài  $L=464,09$  m (Tuyến 1: chiều dài  $L=114,10$ m; tuyến 2: chiều dài  $L=93,68$ m; tuyến 3: chiều dài  $L=256,31$ m).

- Hạng mục cấp thoát nước: Mạng cấp nước là mạng vòng kết hợp nhánh cụt, mạng dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, đường kính ống từ D63--D110, nguồn nước cấp cho khu dân cư được lấy từ Nhà máy nước sạch thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy. Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được thiết kế đi riêng; hướng thoát nước chính của khu vực là từ phía Nam lên phía Bắc, thoát ra cống D1000 dọc đường Đông Tây 3.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng: Xây dựng mới tuyến cáp ngầm 24kV chiều dài tuyến 171m; TBA có công suất 250kVA-22/0,4kV; tuyến đường dây 0,4kV có tổng chiều dài tuyến 822m; hệ thống đèn chiếu sáng đường giao thông có tổng chiều dài tuyến 691m.

#### ***1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường***

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ với diện tích  $18237,6\text{m}^2$ , là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

#### ***2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công***

Hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp nền đường, mặt đường, thi công cống thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng. Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,... tác động đến hoạt động tiêu thoát nước khu vực, dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

#### ***2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành***

Các hoạt động sinh hoạt của nhân dân trong khu dân cư phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt... tác động đến hoạt động tiêu thoát nước khu vực và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

#### ***3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng***

##### ***3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải***

- Nước thải sinh hoạt khoảng  $2,75\text{ m}^3/\text{ngày}$ , trong đó: nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân  $1,825\text{ m}^3/\text{ngày}$ ; nước thải ăn uống  $0,15\text{ m}^3/\text{ngày}$ ; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện)  $0,775\text{ m}^3/\text{ngày}$ ; thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình rửa bồn trộn bê tông có khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải vệ sinh thiết bị khoảng 1m<sup>3</sup>/ngày, chứa nhiều cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 0,0128m<sup>3</sup>/s thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

### *3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

- Bụi và khí thải (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>) từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe.

- Bụi và khí thải (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>) từ hoạt động đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, vệ sinh móng đường cấp phối, tưới nhựa dính bám; bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO.

### *3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 17,5 kg/ngày, chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng: Đất bóc bề mặt từ đất trồng lúa của dự án là 3647,5 m<sup>3</sup>; khối lượng đất đào không thích hợp là 3314,6 m<sup>3</sup>; bao bì xi măng 0,648 tấn; chất thải rắn xây dựng vật liệu rời như cát, đá dăm...57,8 tấn; mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, gạch vỡ... 9,7tấn.

### *3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại*

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...khối lượng khoảng 3,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại: Không phát sinh.

### *3.1.5. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung*

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

## **3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành**

### *3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải*

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 0,0269 m<sup>3</sup>/s; thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt là 47,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm gồm nước thải tắm, rửa tay, giặt 23,75 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) 9,5 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải ăn uống 14,25 m<sup>3</sup>/ngày), thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, dầu mỡ...

### *3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải*

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO,...

### 3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt của các hộ dân khoảng 380 kg/ngày.đêm; trong đó: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: 76 kg/ngày.đêm; chất thải thực phẩm là 266kg/ngày.đêm; chất thải rắn sinh hoạt khác (chất thải tro) khối lượng là 34,2 kg/ngày.đêm.

- Chất thải rắn các công trình công cộng bao gồm lá cây, đất, cát...có khối lượng khoảng 10 kg/ngày.

### 3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng 3,8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,...

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng

#### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm thời khoảng cách giữa các hố gas 30m/hố gas; kích thước sâu x rộng = 0,4x0,4(m); hố gas tạm có kích thước  $D \times R \times C = 1,0 \times 1,0 \times 1,0$ (m).

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân được thu gom và xử lý trong hố lắng tạm 2,0 m<sup>3</sup> kích thước  $D \times R \times C = 2,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$  (lót đáy phủ bạt HDPE). Nước thải sau xử lý được thoát ra mương thoát nước chung khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải vệ sinh được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động thể tích 500 lít/nhà (đơn vị thi công thuê và đặt tại khu lán trại); hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 lần/ngày) bằng xe chuyên dụng.

- Nước thải ăn uống được thu gom và xử lý sơ bộ trong hố tách dầu mỡ có kích thước  $D \times R \times C = 1,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 0,5 \text{ m}$  thể tích 0,5m<sup>3</sup> (lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE). Nước thải sau xử lý được thoát ra mương thoát nước chung khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải rửa xe và nước rửa dụng cụ thi công được thu gom và xử lý sơ bộ trong hố lắng có kích thước  $D \times R \times C = 2,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$  thể tích 2,0 m<sup>3</sup> (lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE), sau đó thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông dự án.

#### 4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian cho công nhân nghỉ ngơi hợp lý.

- Thực hiện phát quang đến đâu, vận chuyển đưa đi đổ thải đến đó để tránh phát tán bụi và mùi gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày (từ 7h-8h, từ 11h-12h, từ 16h30-17h30); bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận, đường bê tông vào dự án với chiều dài 200m tính từ công khu vực dự án về 2 phía. Dùng xe téc 5m<sup>3</sup>, phun theo ống đục lỗ nằm ngang

phía dưới téc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lớp xe trước ra khỏi công trường.

- Lắp dựng rào tạm xung quanh khu vực thi công dự án để ngăn cách giữa khu vực thi công dự án và khu dân cư hiện trạng, LxH = 100x2,0 (m).

#### *4.1.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 20lít (02 thùng); riêng chất thải rắn có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 120 lit (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu. Đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Thảm phủ thực vật: người dân xung quanh dự án thu hoạch trước khi thực hiện dự án và tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

- + Đối với đất bóc bề mặt của đất trồng lúa khối lượng 3647,5 m<sup>3</sup>. Khối lượng tận dụng trồng cây xanh trong khuôn viên dự án là 940,95 m<sup>3</sup>; Phần còn lại 2706,55m<sup>3</sup> sử dụng để cải tạo đất ruộng tại các thửa đất số 639, 640, 656, 657, 692, 693, 713, 714, 715, 716, 744, 745, 746, 768, 769, 770, 794, 795, 813, 814 tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Cẩm Sơn đo vẽ năm 2008 theo biên bản thống nhất vị trí sử dụng tầng đất mặt giữa UBND thị trấn Phong Sơn và Chủ đầu tư ngày 16/10/2024.

- + Đối với đất đào không thích hợp khối lượng 3314,6 m<sup>3</sup>, tận dụng san vào các lô đất trong khuôn viên dự án;

- + Chất thải rắn xây dựng cát, đá rơi vãi khối lượng 57,8 tấn: thu gom sau mỗi ca làm việc và tận dụng làm vật liệu san nền tại dự án;

- + Các mẫu sắt thừa, bìa catton.... khối lượng 9,7 tấn, bao bì xi măng khối lượng 0,648 tấn: thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

#### *4.1.4. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại*

Trang bị 01 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng để thu gom chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và đặt trong nhà kho trong khu vực lán trại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.

#### *4.1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường; máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Đường vận chuyển vật liệu xây dựng vào tuyến qua khu dân cư và các khu vực nhạy cảm sẽ yêu cầu đơn vị thi công không vận chuyển vào thời gian cao điểm, ban đêm để tránh gây ồn ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

- Trang bị nội quy về an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc ở các nơi tập trung công nhân, khu vực đông người qua lại; điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### *4.1.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác*

- Biện pháp giảm thiểu tác động do tai nạn lao động, tai nạn giao thông:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công theo quy định; bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

+ Phương tiện vận chuyển sử dụng đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật tuân thủ theo đúng tuyến đường vận chuyển đã được phê duyệt; quá trình tập kết nguyên vật liệu tránh tập trung vào một thời điểm.

+ Trong điều kiện trời mưa lớn đơn vị thi công cần dừng toàn bộ quá trình thi công để đảm bảo an toàn cho công nhân như máy móc, thiết bị.

+ Lắp đặt biển báo công trường đang thi công tại những nơi phù hợp, dễ quan sát.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố cháy nổ: Lắp đặt biển báo hiệu nguy hiểm tại khu vực kho chứa nhiên liệu dễ cháy nổ và đặt biển cấm lửa; trang bị 04 bình bột chữa cháy (bình CO<sub>2</sub>), máy bơm nước (công suất 5m<sup>3</sup>/h) và vòi phun tại khu vực lán trại công nhân để đề phòng khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất lúa: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

### **4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành**

#### *4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải*

##### *a) Nước mưa chảy tràn*

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa theo thiết kế. Theo đó, nước mưa được thu gom qua cống BTCT D300, D600, D800 có tổng chiều dài 551m đầu nối với hệ thống thoát nước dọc tuyến đường Đông Tây 3 tiếp giáp phía Bắc dự án. Trên hệ thống thu gom sử dụng giếng thu trực tiếp (KT: 1m x 1m x 0,8m) thiết kế ở hai bên tuyến đường, khoảng cách trung bình 30m/giếng.

+ UBND thị trấn Phong Sơn có trách nhiệm: Yêu cầu các hộ dân khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.



+ Các hộ gia đình trong khu dân cư khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp và đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư theo thiết kế.

*b) Nước thải sinh hoạt*

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải (mương thoát nước thải bằng cống D300, D400 tổng chiều dài 844m), đặt sẵn các vị trí chờ đấu nối tại mỗi hộ gia đình để các hộ gia đình đấu nối nước thải về hệ thống thu gom nước thải chung về hệ thống xử lý nước thải tập trung Bastafat-F công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đặt tại phía Đông Nam dự án. Công nghệ xử lý như sau: Nước thải → Ngăn lắng + Điều hoà → Ngăn lọc kỵ khí → Bể lọc hiếu khí → lắng + khử trùng → ra môi trường.

Nước sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, (cột B, hệ số K=1,2) đấu nối vào mương thu gom dọc tuyến đường Đông Tây 3 tiếp giáp phía Bắc dự án, tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X = 2235452.08 (m); Y = 549458.01 (m).

BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy có trách nhiệm vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải đến khi vận hành ổn định, trước khi bàn giao cho UBND thị trấn Phong Sơn quản lý, vận hành. Sau khi Trạm xử lý nước thải số 01 công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm theo quy hoạch chung của thị trấn Phong Sơn hoàn thành và đi vào sử dụng, Chủ đầu tư thực hiện đấu nối nước thải vào trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch và dừng vận hành thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.

+ UBND thị trấn Phong Sơn sau khi được bàn giao có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung; định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom thoát nước thải đảm bảo vận hành ổn định, liên tục.

+ Các hộ gia đình trong khu dân cư có trách nhiệm xây dựng bể tách dầu mỡ (tối thiểu 0,25 m<sup>3</sup>/nhà) và bể tự hoại cải tiến Bastaf (tối thiểu 4,5 m<sup>3</sup>/nhà) để xử lý sơ bộ nước thải trước khi đấu nối vào đường ống chờ trên hệ thống thu gom nước thải do Chủ đầu tư xây dựng, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung dự án.

*4.2.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải*

- Chủ đầu tư: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng thiết kế; Trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng xung quanh các công trình có phát sinh mùi hôi và những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế mùi hôi, khí bụi, tiếng ồn tác động xấu đến môi trường xung quanh.

- UBND thị trấn Phong Sơn có trách nhiệm: Ban hành quy chế vệ sinh công cộng trong khu dân cư; tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ môi trường; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, khu dân cư định kỳ tổng vệ sinh khu vực.

- Các hộ gia đình trong khu dân cư chủ động vệ sinh hàng ngày, trồng cây xanh trong khuôn viên khu đất; khuyến khích hộ dân lắp đặt hệ thống hút

mùi tại khu vực nhà bếp; bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.

#### *4.2.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường*

- Chủ đầu tư có trách nhiệm: Xây dựng khu vực tập kết chất thải tạm thời diện tích 10m<sup>2</sup> tại khuôn viên cây xanh góc phía Đông Nam dự án gần Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Khu vực tập kết có mái che và hệ thống rãnh thu gom, hố gas thu nước (dẫn về hệ thống thoát nước thải trung).

- UBND thị trấn Phong Sơn: Ban hành quy chế vệ sinh công cộng trong khu dân cư; tăng cường tuyên truyền người dân phân loại rác thải; trang bị 01 xe chứa rác đẩy tay có dung tích 0,5m<sup>3</sup> đặt tại điểm tập kết; trang bị thùng đựng rác loại 240 lít có phân loại rác thải, đặt tại khu vực tập kết rác. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác thải, hút bùn thải từ bể tự hoại, nạo vét mương rãnh định kỳ theo quy định.

- Các hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt; thu gom, tập kết chất thải sinh hoạt về vị trí tập kết theo quy định; chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật; tuân thủ quy chế chung và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

#### *4.2.4. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại*

- UBND thị trấn Phong Sơn: *Bố trí thùng chứa dung tích 120 lít có nắp đậy, dán nhãn mác đặt tại nhà văn hóa trong khuôn viên dự án để thu gom, lưu giữ CTNH từ hoạt động của các gia đình.*

- Trách nhiệm của các hộ dân: Chủ động thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh tại gia đình, bỏ vào các thùng rác đã được UBND thị trấn Phong Sơn bố trí tại nhà văn hóa.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường**

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

### **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; tuân thủ quy định của Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động, ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và các quy chuẩn hiện hành khác, yêu cầu của địa phương về bảo vệ môi trường.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hồi, hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa vật liệu tạm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh trong khuôn viên Dự án, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường

năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.